

Số: 147/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật
của Trường Đại học Nam Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XX ngày 04/12/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **44** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **88%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết tại *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ và Khoa Kinh tế - Luật cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết tại *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

RU
KIẾ
HÃ
GI.
9/

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số: 147/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100%	Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	5			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100%
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		4,00	3	100%	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		3,67	2	66,67%	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	3				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6		3,71	5	71,43%	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100%
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		44			88%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số: 147/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật (CTĐT) của Trường Đại học Nam Cần Thơ đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2017-2021 cho thấy những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng cơ bản phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, thể hiện được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của ngành đào tạo. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cốt lõi; đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng và rà soát, điều chỉnh. Các khối kiến thức trong CTĐT được thiết kế có sự gắn kết, liên mạch, được phân bổ khá hợp lý; các học phần có đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học được thiết kế cơ bản chuyển tải được mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và được thực hiện khá nghiêm túc; quy trình phúc tra phúc khảo để tiếp cận. Đội ngũ giảng viên được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ; năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xác định, giám sát và đánh giá. Công tác tuyển sinh được chú trọng, các hình thức truyền thông khá đa dạng; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động; các điều kiện an ninh, an toàn được đảm bảo. Cơ sở vật chất được đầu tư; phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thư viện đáp ứng yêu cầu phục vụ CTĐT. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT được cải tiến; quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được rà soát; hệ thống khảo sát, cơ chế phản hồi các liên quan được triển khai để hỗ trợ cải tiến chất lượng các hoạt động. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT được xác lập, giám sát để cải tiến; tỷ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm; tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm khá cao; tỷ lệ tham gia nghiên cứu khoa học có xu hướng tăng.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Kinh tế - Luật cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tăng cường tham khảo ý kiến của các bên liên quan, nhất là các nhà sử dụng lao động một cách có hệ thống để tiếp tục rà soát, cập nhật mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT; thể hiện rõ tính định hướng ứng dụng của CTĐT theo Thông tư 17/2021/TT-BGD&ĐT và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của vị trí chức danh nghề nghiệp, nhất là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm; cập nhật kịp thời và tăng cường truyền thông về chuẩn đầu ra đến các bên liên quan.

2. Xây dựng, ban hành thống nhất văn bản quy định về quy trình, hướng dẫn xây dựng đề cương học phần làm căn cứ rà soát, điều chỉnh hệ thống các đề cương đảm bảo thống nhất về

cấu trúc, phần mục; rà soát, cập nhật và đảm bảo sự chuẩn xác, nhất quán của các thông tin trong Bản mô tả CTĐT; đa dạng hơn các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đảm bảo các bên liên quan đều quan tâm và tiếp cận được đầy đủ, thuận lợi.

3. Ban hành hướng dẫn cụ thể về quy trình rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra và thiết kế chương trình dạy, học dựa theo chuẩn đầu ra; tham khảo các CTĐT tiên tiến để cập nhật nội dung phù hợp với sự phát triển của ngành và tăng tính hội nhập quốc tế; nghiên cứu bổ sung một số học phần cung cấp tiếng Anh pháp lý và các kiến thức về pháp luật nước ngoài; rà soát ma trận liên kết giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT để xác định chính xác hơn mức độ đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra.

4. Ban hành hướng dẫn chi tiết về lựa chọn tổ hợp các phương pháp dạy, học theo chuẩn đầu ra làm cơ sở cho lựa chọn các phương pháp dạy học hiệu quả; khuyến khích giảng viên tăng cường cải tiến, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực; tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng và cho sinh viên đăng ký học tập linh hoạt theo học phần tự chọn và chủ động tiến độ học tập; bổ sung thêm các hoạt động thực hành, kiến tập chuyên đề giúp cho sinh viên tìm hiểu và định hình sớm hơn thực tiễn hành nghề luật.

5. Đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học; xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá định lượng, khoa học về mức độ phù hợp, độ giá trị và tin cậy của các phương pháp; xây dựng các ngân hàng đề thi; giám sát chặt chẽ hơn tiến độ chấm thi và công bố kết quả thi theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá đề thi, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra làm cơ sở cải tiến chất lượng đề thi; nghiên cứu bổ sung quy định rọc phách bài thi nhằm đảm bảo hơn tính khách quan và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của người học.

6. Nghiên cứu tích hợp các quy định về năng lực của giảng viên trong một văn bản để thuận tiện cho công tác quản lý; tăng cường thu hút chuyên gia đầu ngành; quan tâm cân đối, giám sát khối lượng thực hiện nhiệm vụ và tỷ lệ sinh viên/giảng viên; chú trọng bồi dưỡng giảng viên để tăng số lượng có học hàm, học vị; tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên; thành lập các nhóm nghiên cứu và đẩy mạnh hợp tác trong NCKH để gia tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học.

7. Chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm theo hướng tiếp cận năng lực làm cơ sở cho quản trị nhân sự hiệu quả; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp theo từng vị trí việc làm; định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chí đánh giá nhân viên và rà soát cập nhật để cải tiến; có cơ chế khen thưởng, hỗ trợ tạo động lực cho đội ngũ nhân viên.

8. Tăng cường mức độ chủ động của giảng viên trong công tác tư vấn tuyển sinh; ban hành các quy định về cố vấn học tập, Sổ tay Cố vấn học tập; tích cực kết nối với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động lớn đa dạng để tăng cường giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế, thực hành, tư vấn chuyên sâu về ngành nghề cho giảng viên và sinh viên; tạo không gian thúc đẩy hoạt động sáng tạo, khởi nghiệp và hỗ trợ chuyển đổi số.

9. Tăng cường công tác biên soạn giáo trình, đẩy mạnh số hóa để bổ sung nguồn học liệu nội sinh và kết nối cơ sở dữ liệu dùng chung; nâng cấp cơ sở dữ liệu điện tử cho thư viện; xây

dựng hệ thống phần mềm tích hợp đáp ứng hiệu quả quản trị đại học tiên tiến; định kỳ tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn để có phương án điều chỉnh, nâng cao chất lượng môi trường.

10. Có quy trình cụ thể để phân tích, đối sánh, chọn lựa và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình phát triển CTĐT; rà soát, cải tiến quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo sự tương thích, phù hợp với chuẩn đầu ra; có giải pháp, chính sách hiệu quả khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên thực hiện các nghiên cứu theo hướng tạo ra các sản phẩm ứng dụng vào cải tiến hoạt động dạy và học; rà soát, đánh giá và cải tiến tăng cường tính hệ thống cho cơ chế phản hồi của các bên liên quan; xây dựng và triển khai các giải pháp tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT.

11. Phân tích kỹ nguyên nhân và có các giải pháp hiệu quả để hạn chế số sinh viên chậm tốt nghiệp và thôi học, khuyến khích sinh viên học vượt để sớm hoàn thành CTĐT; nghiên cứu kỹ sự kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp để chủ động đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực tăng cường khả năng việc làm; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo để hỗ trợ hiệu quả việc theo dõi, giám sát kết quả học tập của người học; có cơ chế, chính sách để khuyến khích và thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động này; thực hiện đối sánh kết quả để cải tiến chất lượng của CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Kinh tế - Luật cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội.

